Trần Ngọc Thêm

HỆ THỐNG liên kết văn bản TIẾNG VIỆT

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Trần Ngọc Thêm

HỆ THỐNG liên kết văn bản TIẾNG VIỆT

(Tái bản lần thứ bảy)

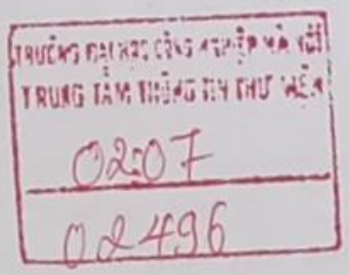
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN
02507
02496

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI GIỚI THIỆU

Chúng ta giao tiếp với nhau không phải bằng một câu hoặc những câu rời rạc mà bằng những câu có liên quan với nhau – những câu tạo thành một văn bản. Lưu ý tới điều này, đối tượng của ngôn ngữ học không chỉ là những từ, những câu mà còn là những chỉnh thể cú pháp trên câu và khái quát nhất là những văn bản.

Bạn có những câu đúng; đem ghép lại chúng có thể thành một văn bản mà cũng có thể không thành một văn bản. Từ những câu nhất định, chúng ta có thể tạo được những văn bản khác nhau. Vậy là trong một văn bản các câu có liên kết chặt chẽ với nhau và theo những phương thức khác nhau.

Cũng có khi các câu đứng cạnh nhau, có liên kết với nhau nhưng lại không thành một văn bản đích thực, cùng lắm chỉ thành những văn bản tồi. Vì sao vậy? Vì đó chỉ là những câu có liên kết giả, liên kết thuần tuý hình thức, mà không chứa đựng sự liên kết nội dung nào.

Các câu được liên kết với nhau như thế nào và theo những phương thức nào? Dùng các liên từ, có thể liên kết hai câu đơn thành câu ghép. Nhưng một chuỗi gồm nhiều câu đứng cạnh nhau vẫn có thể liên kết rất chặt chẽ với nhau. Chúng được liên kết với nhau về phương diện nội dung cũng như về phương diện thuần tuý hình thức. Về nội dung, đó là liên kết chủ đề và liên kết logic.

Việc nghiên cứu những vấn đề này đã hình thành một chuyên ngành ngôn ngữ học mới: **Ngôn ngữ học văn bản.**

3. *Thay một số thuật ngữ mà chúng tôi cho là hợp lí hơn (ví dụ, cặp "đề-thuyết" được thay bằng cặp "chủ đề - thuật đề" để có sự thống nhất về khái niệm "chủ đề" giữa các cấp độ: chủ đề phát ngôn, chủ đề đoạn văn, chủ đề văn bản);*

4. *Sửa đổi, bổ sung hoặc lược bỏ một số đoạn, một số chi tiết (ví dụ, bỏ bớt đoạn về cụm từ ở cuối §15.5; sửa đổi chút ít ở §§22, 50; bổ sung hoàn chỉnh bảng phân loại các phương thức liên kết ở §57);*

5. *Sau hết, chúng tôi có bổ sung thêm một* **Bảng tra các khái niệm cơ bản** *để giúp cho bạn đọc thuận tiện hơn trong việc tra cứu.*

Sau khi **Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt** *được xuất bản lần thứ nhất vào năm 1985, sách đã được giới thiệu trên tạp chí "Thông tin khoa học xã hội" (bài của Trần Thanh Bình, số 10-1985), tạp chí "Ngôn ngữ" (bài của PGS. Diệp Quang Ban, số 3-1986), tạp chí "Вопросы языкознания" (bài của T.H. Невлева số 6-1988). Nhân dịp sách tái bản, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các tác giả trên.*

Chúng tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn GS.TS. Nguyễn Đức Dân đã xem lại bản thảo và viết lời giới thiệu cho cuốn sách, và Ban biên tập khoa học xã hội, Chi nhánh NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh đã góp phần giúp cho cuốn sách được tái bản.

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 5-1999

TRẦN NGỌC THÊM

PHẦN MỘT

VẤN ĐỀ TÍNH LIÊN KẾT VÀ ĐƠN VỊ LIÊN KẾT VĂN BẢN

Chương I

NGÔN NGỮ HỌC VĂN BẢN VÀ VẤN ĐỀ TÍNH LIÊN KẾT

§1. TỪ GIỚI HẠN CÂU...

1.1. Đặc điểm nổi bật nhất của ngôn ngữ học trong suốt quá trình phát triển lịch sử của mình, cho tới tận những năm gần đây, là nó không bao giờ vượt ra khỏi giới hạn câu. Câu luôn luôn được coi là đơn vị hoàn chỉnh, đơn vị cao nhất được nghiên cứu trong phạm vi của ngôn ngữ học.

Từ thời cổ đại, người ta đã quan niệm như thế. Với quan niệm như thế, ngữ pháp học lâu nay chỉ gói gọn trong hai phần : lí thuyết về từ (*từ pháp học* hay *hình thái học*) và lí thuyết về câu (*cú pháp học*). "Câu là một kết cấu mà trong phát ngôn đang xét không phải là bộ phận của một kết cấu lớn hơn nào" – định nghĩa do nhà ngôn ngữ học Mĩ L. Bloomfield [1926, tr. 204] đưa ra này đã được chấp nhận rộng rãi ở nhiều nước, kể cả Việt Nam.

Cho tới tận những năm 60, vẫn ít có ai nghi ngờ gì khi nghe nhà ngôn ngữ học Pháp E. Benveniste khẳng định tại Đại hội quốc tế các nhà ngôn ngữ học lần thứ IX : "Nhóm các câu không tạo nên một đơn vị bậc cao hơn so với câu. Cấp độ ngôn ngữ nằm trên cấp độ vị từ (tức cấp độ câu – TNT) là không có" [1974, tr. 139]. Thậm chí, đến năm 1967, trong lần xuất bản thứ tư cuốn *Dẫn luận ngôn ngữ học* nổi tiếng, sau khi kể tên các đơn vị như âm vị, hình vị, từ, câu, nhà ngôn ngữ học Nga A.A. Reformatskij [1967, tr. 29] vẫn tuyên bố dứt khoát: "Trong ngôn ngữ không còn gì và không thể có gì nữa !"

Do đâu mà có giới hạn này ? Để tìm nguyên nhân, ta cần trở lại đặc điểm của việc nghiên cứu ngôn ngữ.

1.2. Khác với ở nhiều khoa học khác, trong nhiều thế kỉ, do sự phức tạp của đối tượng cho nên việc nghiên cứu ngôn ngữ đã được tiến hành chủ yếu theo con đường quy nạp. Điều đó thể hiện ở hai quá trình. Thứ nhất là quá trình đi từ việc khảo sát cái cụ thể, có tính chất cá biệt, tới khảo sát cái khái quát, có tính chất xã hội (quá trình ***khái quát hóa***). Thứ hai là quá trình đi từ sự khảo sát những đơn vị nhỏ tới những đơn vị lớn hơn (quá trình ***quy mô hóa***).

Trong lịch sử phát triển của khoa học về ngôn ngữ, hai quá trình này diễn biến không đồng đều. Thế kỉ XIX với những xu hướng lịch sử - so sánh, xu hướng tự nhiên luận, xu hướng tâm lí luận... chủ yếu chỉ quan tâm tới những biến đổi ngôn ngữ có tính chất cá biệt. Sự xuất hiện của F. de Saussure vào đầu thế kỉ XX với đối lập "ngôn ngữ - lời nói" do ông đề xuất đã tạo nên *một cuộc cách mạng thúc đẩy nhanh quá trình khái quát hóa trong ngôn ngữ học*. Nhưng, như một con dao hai lưỡi, đối lập "ngôn ngữ - lời nói" trong khi mở cửa cho quá trình đi tới cái khái quát thì đồng thời cũng đóng luôn cánh cửa của quá trình dẫn tới những đơn vị cao hơn, bởi lẽ câu và mọi thứ trên câu đều bị Saussure xếp vào lời nói – một lĩnh vực ngoài rìa không thuộc phạm vi nghiên cứu của ngôn ngữ học. Và thế là, trong một thời gian dài, ngôn ngữ học, do quá phấn khởi với những thành tựu do Saussure đem lại đã bằng lòng dừng lại trước giới hạn của câu.

1.3. Vì sự dừng lại ấy, các lí thuyết ngôn ngữ học xây dựng trong khuôn khổ của câu đã phải trả một giá đắt : Chúng ngày càng bộc lộ những hạn chế và bất lực của mình trước những nhu cầu của lí luận và thực tiễn. Cụ thể, những hạn chế đó là:

a) Không đủ khả năng giải thích nhiều hiện tượng biểu hiện trong phạm vi câu nhưng lại có liên quan tới những cơ chế ngoài câu như : hiện tượng điệp, đối; việc lựa chọn quán từ; vai trò của đại từ, từ nối, từ chêm xen; bản chất và chức năng của các loại câu đặc biệt, câu vô nghĩa, v.v.

b) Không đủ đáp ứng những nhu cầu thực tiễn của việc xây dựng văn bản, trong đó có môn làm văn trong nhà trường. Không đủ giúp cho học sinh viết được những bài văn mạch lạc, đúng và hay. Không đủ khả năng phân tích và đề ra cách sửa chữa nhiều loại lỗi trong các bài viết của các em. Liên quan đến các vấn đề này là những nhu cầu của công tác biên tập - xuất bản, công tác tuyên truyền, báo chí, phát thanh,v.v.

c) Không đủ đáp ứng những nhu cầu thực tiễn của việc phân tích tác phẩm văn học. Cái quan trọng đối với một tác phẩm văn học là cấu trúc văn bản hoàn chỉnh của nó thì lại là cái "ngoài rìa" đối với ngôn ngữ học.

d) Không đủ đáp ứng những nhu cầu cấp bách của việc tự động hóa các quá trình xử lí thông tin ngôn ngữ: các bản dịch, các bài tóm tắt văn bản do máy tính điện tử làm ra theo những quy trình (angôrit, thuật toán) được xây dựng trên cơ sở những thành tựu của ngôn ngữ học trong câu có thể gồm những câu đúng nhưng toàn văn bản thì không tránh khỏi tình trạng ngô nghê, rời rạc.

§2. ...ĐẾN SỰ RA ĐỜI CỦA NGÔN NGỮ HỌC VĂN BẢN

2.1. Để khắc phục những nhược điểm vừa nêu ở mục trên, rõ ràng là ngôn ngữ học phải đi tiếp quá trình thứ hai : *vượt qua khỏi giới hạn câu* để đến với những đơn vị có quy mô mới và kích thước lớn hơn. Kết quả là đã hình thành một bộ môn mới nghiên cứu các đơn vị trên câu gọi là ***ngữ pháp văn bản***, và rộng hơn, ***ngôn ngữ học văn bản*** (*лингвистика текста*, textual linguistics, textlinguistics).

Những công trình đặt nền móng cho bộ môn này được công bố hầu như đồng thời ở nhiều nước khác nhau vào buổi giao thời giữa nửa trước và sau của thế kỉ chúng ta (1947-1952). Vào thời gian này, ở Nga N.S. Pospelov viết về "chỉnh thể cú pháp phức hợp", I.A. Figurovskij nói đến "chỉnh thể cú pháp của văn bản hoàn chỉnh"; ở Tiệp Khắc V. Mathesius nêu ra thuyết

phân đoạn thực tại câu – thuyết này có liên quan trực tiếp đến các vấn đề trên câu; ở Đức K. Boost viết về sự liên kết giữa các câu độc lập trong "khối liên hiệp các câu"; ở Mĩ Z.S. Harris đề xuất phương pháp phân tích phân bố những chuỗi câu liên kết mà ông gọi là discourse[1].

2.2. Tuy ngôn ngữ học văn bản đã hình thành, nhưng trong những năm 50 và 60, còn ít người biết và để ý đến sự tồn tại của ngành này. Chẳng hạn, nhà ngôn ngữ học Mĩ W.L. Chafe, khi viết cuốn *Ý nghĩa và cấu trúc của ngôn ngữ* (in ở Chicago và Luân Đôn năm 1971), cũng không hề hay biết gì đến những nghiên cứu của các đồng nghiệp về ngôn ngữ học văn bản. Bốn năm sau [1975, tr. 5], trong lời tựa cho bản dịch tiếng Nga của cuốn sách này, tác giả đã phải "lấy làm tiếc" về điều đó, bởi lẽ nhiều hiện tượng trong số những vấn đề mà ông đã đề cập đến "rõ ràng là phụ thuộc vào những nhân tố nằm ngoài phạm vi của câu". Đó là cái mà ông coi là "chỗ thiếu sót nghiêm trọng" của cuốn sách.

Mặt khác, trong quá trình phát triển các quan điểm học thuật của mình, một số nhà khoa học vẫn tiếp tục độc lập đi đến kết luận về sự cần thiết của bộ môn này. Chẳng hạn, năm 1965, nhà nghiên cứu văn học Pháp R. Barthes [1965, tr. 445] dự đoán : "Trong tương lai, có thể kí hiệu học sẽ hòa tan vào "xuyên ngôn ngữ học" (trans-linguistique) mà đối tượng là các truyện cổ tích, truyện ngắn, bài báo, v.v.". Ở Việt Nam, năm 1973, Nguyễn Tài Cẩn và N.V. Stankevich [1973, tr. 9] đã nhận định : "Đi theo ngữ pháp truyền thống thì phải cho rằng câu là loại đơn vị ngữ pháp thuộc bậc cao nhất (...). Ngược lại, nếu thử thoát ra ngoài phạm vi của lối quan niệm ấy, thử coi một đoạn văn, một bài thơ, hay thậm chí cả một chương sách, một bộ sách như là một loại đơn vị nào đó (...) thì rõ ràng là cũng có thể hình dung vấn đề một cách khác trước. Hoàn toàn có thể cho rằng chỉ với câu thì ta mới bắt đầu bước chân vào địa hạt của thông báo, và câu là đơn vị tế bào của địa hạt này".

---

(1) Ở Việt Nam dịch thuật ngữ này là "ngôn bản", "diễn từ", "diễn ngôn". Chúng tôi gọi những sản phẩm của ngôn ngữ nói chung này là "ngôn phẩm".

Nhìn chung, những năm 50-60 có thể coi là *giai đoạn hình thành và tự khẳng định* của ngôn ngữ học văn bản.

2.3. Bước sang những năm 70, ngôn ngữ học văn bản đã nhanh chóng đạt tới *thời kì phát triển rầm rộ*. Số lượng các bài báo và chuyên luận tăng vọt. Hàng loạt tạp chí chuyên đề được ra đời (như *Papiere zur Textlinguistik* ở Hamburg (Tây Đức); *Cahiers d'analyse textuelle* ở Liège (Bỉ). Hàng loạt hội nghị khoa học chuyên đề được triệu tập (như Hội nghị toàn Liên bang về ngôn ngữ học văn bản ở Maxcơva năm 1974, Hội thảo CHDC Đức - Tiệp Khắc về ngữ pháp văn bản ở Berlin năm 1975, Hội nghị về ngôn ngữ học văn bản tại Trường đại học sư phạm ngoại ngữ mang tên Hồ Chí Minh ở Irkursk (thuộc Liên Xô cũ) năm 1981, v.v.

Lĩnh vực ngôn ngữ học văn bản ngày càng thu hút sự chú ý của các nhà ngôn ngữ học làm việc ở những bộ phận hết sức khác nhau (từ các nhà ngôn ngữ học truyền thống cho tới các nhà ngôn ngữ học cấu trúc, ngôn ngữ học tạo sinh, v.v.). Quan tâm đến ngôn ngữ học văn bản còn có cả các nhà nghiên cứu thuộc các ngành khoa học khác, trước hết là văn học. Các lĩnh vực khác nhau và các xu hướng khác nhau đều tìm thấy ở đây một miếng đất mới để áp dụng những phương pháp của mình và, đồng thời, cũng hi vọng tìm thấy ở đây những phương pháp, những cách nhìn mới để giải quyết những bế tắc của mình. Lĩnh vực văn bản, theo cách nói hình tượng của V.A. Zvegintsev [1980, tr. 14], gần như đã trở thành một "vũ trụ ngôn ngữ học".

Như vậy, nếu coi việc nâng ngôn ngữ học lên tầm một khoa học khái quát gắn liền với tên tuổi của F. de Saussure là cuộc cách mạng lần thứ nhất trong ngôn ngữ học như lâu nay vẫn nói, thì *cuộc cách mạng lần thứ hai* phải là việc ***đưa ngôn ngữ học lên tầm một khoa học bao quát hết đối tượng của mình gắn liền với sự ra đời của ngôn ngữ học văn bản.***

MỤC LỤC

Trang

* Lời giới thiệu 3

* Lời nói đầu *(Lần xuất bản thứ hai)* 5

PHẦN MỘT

VẤN ĐỀ TÍNH LIÊN KẾT VÀ ĐƠN VỊ LIÊN KẾT VĂN BẢN

Chương I

NGÔN NGỮ HỌC VĂN BẢN VÀ VẤN ĐỀ TÍNH LIÊN KẾT

1. Từ giới hạn câu... 8

2. ...Đến sự ra đời của ngôn ngữ văn bản 10

3. Vấn đề tính liên kết của văn bản 13

Chương II

KHÁI NIỆM TÍNH LIÊN KẾT CỦA VĂN BẢN

4. Cái gì làm cho một chuỗi câu trở thành văn bản? 17

5. Liên kết hình thức và liên kết nội dung. Phân biệt văn bản với các loại chuỗi phát ngôn hỗn độn 20

6. Liên kết chủ đề và liên kết logic. Văn bản điển hình và văn bản không điển hình 24

7. Văn bản thiếu liên kết chủ đề và văn bản thiếu liên kết logic 25

8. Mâu thuẫn giữa tính hình tuyến của văn bản với tính nhiều chiều của hiện thực như nguồn gốc của sự phong phú về số lượng phương thức liên kết. Liên kết tiếp giáp và liên kết bắc cầu. Liên kết đơn và liên kết phức 29

9. Một hướng phân loại mới: Phân loại các phương thức liên kết theo đơn vị liên kết 31

Chương III

PHÁT NGÔN – ĐƠN VỊ LIÊN KẾT VĂN BẢN

10. Định nghĩa ba tiêu chí về câu. Phần dư – trung tâm tranh luận của vấn đề câu 33

11. Thái độ của định nghĩa ba tiêu chí về câu đối với phần dư 35

12. Hướng giải quyết phần dư bằng cách chỉ xác định câu theo một tiêu chí 37

13. Hướng giải quyết phần dư bằng cách xác định câu theo hai tiêu chí 39

14. Văn bản và tính liên kết – nguồn gốc của vấn đề câu 40

15. Bình diện hình thức: Phát ngôn và dấu ngắt phát ngôn 41
16. Phân loại phát ngôn theo sự hoàn chỉnh về cấu trúc: Câu và ngữ trực thuộc 46
17. Dấu hiệu nhận diện sự hoàn chỉnh về cấu trúc. Phân đoạn cấu trúc và phân đoạn thông báo. Các kiểu cấu trúc nòng cốt. Nòng cốt đặc trưng 47
18. Nòng cốt quan hệ và vấn đề câu có từ "*là*" trong văn bản 51
19. Nòng cốt tồn tại và câu tồn tại trong văn bản 55
20. Nòng cốt qua lại và cái gọi là "câu phức" có từ nối hô ứng 63
21. Phát ngôn đơn và phát ngôn ghép. Từ nối trong phát ngôn ghép. Ranh giới giữa câu qua lại và phát ngôn ghép 67
22. Phân loại phát ngôn theo sự hoàn chỉnh về nội dung: Câu tự nghĩa và câu hợp nghĩa 71
23. Liên kết khiếm diện trong các phát ngôn tự nghĩa và hợp nghĩa. Những khái niệm cơ bản của liên kết hiện diện. Chủ ngôn và kết ngôn, chủ tố và kết tố, liên kết hồi quy và liên kết dự báo 77
24. Từ kết quả phân loại phát ngôn trở lại việc phân loại các phương thức liên kết theo loại phát ngôn 82

PHẦN HAI
NHỮNG PHƯƠNG THỨC LIÊN KẾT GIỮA CÁC PHÁT NGÔN

Chương I
CÁC PHƯƠNG THỨC LIÊN KẾT CHUNG
CHO CẢ BA LOẠI PHÁT NGÔN

25 Các phương thức liên kết chung và sự liên kết của các câu tự nghĩa 86
26. Đại cương về phương thức lặp 87
27 Phép lặp từ vựng 88
28. Phép lặp ngữ pháp 93
29 Phép lặp ngữ âm 102
30. Phép đối 104
31. Phép thế đồng nghĩa 114
32. Phép liên tưởng 121
33. Phép tuyến tính 135

Chương II

CÁC PHƯƠNG THỨC LIÊN KẾT HỢP NGHĨA

34. Các phương thức liên kết hợp nghĩa và sự liên kết của các phát ngôn hợp nghĩa. Câu hợp nghĩa 141

35. Đại cương về phép thế đại từ. Thế đại từ khiếm diện và dự báo 142

36. Phép thế đại từ (tiếp theo): Thế đại từ hiện diện hồi quy 150

37. Hiện tượng tỉnh lược liên kết và phép tỉnh lược yếu 159

38. Hiện tượng nối liên kết và phép nối lỏng 169

39. Phát ngôn hợp nghĩa do chứa vị trí hợp nghĩa: Các nguyên tắc cấu tạo và sử dụng 180

Chương III

CÁC PHƯƠNG THỨC LIÊN KẾT TRỰC THUỘC

40. Các phương thức liên kết trực thuộc và sự liên kết của ngữ trực thuộc 184

41. Phép tỉnh lược mạnh 185

42. Ngữ trực thuộc tỉnh lược định danh 194

43. Phép nối chặt 205

44. Các nguyên tắc cấu tạo và sử dụng ngữ trực thuộc 212

PHẦN BA
HỆ THỐNG LIÊN KẾT Ở CÁC CẤP ĐỘ VÀ Ở MẶT NỘI DUNG

Chương I

MỞ RỘNG KHÁI NIỆM LIÊN KẾT

45. Mở rộng xuống cấp độ phát ngôn: Sự liên kết và vấn đề "quan hệ cú pháp trong câu" 224

46. Tiếp tục mở rộng về phía dưới và phía trên: Sự liên kết ở cấp độ hình vị và cấp độ đoạn văn 230

47. Sự phổ quát của khái niệm "tính liên kết" 234

Chương II

LIÊN KẾT NỘI DUNG TRONG VĂN BẢN VÀ SỰ THỂ HIỆN CỦA NÓ

48. Các cấp độ của liên kết nội dung 238

A- LIÊN KẾT CHỦ ĐỀ

49. Liên kết chủ đề: Khái niệm, cách thể hiện và phương pháp phân tích 238

50. Liên kết chủ đề song song và móc xích. Độ liên kết chủ đề và độ phức tạp chủ đề của văn bản 245

51. Chức năng liên kết chủ đề của trạng ngữ và khởi ngữ 251

52. Các quy tắc liên kết duy trì chủ đề và các kiểu lỗi liên kết chủ đề 259

B- LIÊN KẾT LOGIC

53 Liên kết logic và sự thể hiện của nó 266

54. Sự phân bố giữa phép tuyến tính và các phép nối trong việc thể hiện liên kết logic 268

55. Chuỗi bất thường về nghĩa và sự liên kết logic của chúng trong văn bản 273

56. Các kiểu lỗi liên kết logic 282

THAY CHO LỜI KẾT

57. Sự thống nhất của liên kết nội dung và mối quan hệ của nó đối với liên kết hình thức. Trở lại vấn đề ranh giới giữa phát ngôn ghép và chuỗi phát ngôn 285

* Tài liệu trích dẫn 290

* Bảng tra một số khái niệm cơ bản 302

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ĐẠI HỌC – DẠY NGHỀ
HEVOBCO
25 HÀN THUYÊN – HÀ NỘI
Website : www.hevobco.com.vn : Tel : 043 9724715

TÁC GIẢ :

- Tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ toán DHTH Quốc gia Leningrad (nay là St- Petersburg, Nga) năm 1974.
- Bảo vệ phó tiến sĩ Ngữ văn năm 1987 và Tiến sĩ khoa học ngữ văn năm 1998 tại DHTH Quốc gia Leningrad.
- Được phong phó giáo sư năm 1991, Giáo sư năm 2002.
- Tổng thư kí Hội Ngôn ngữ học Việt Nam nhiệm kì I (1990 - 1995).
- Ủy viên hội đồng biên tập tạp chí Quốc tế liên ngành TEXT (Blin - New York, 1990 - 1998).
- Được bầu làm viện sĩ nước ngoài Viện Hàn lâm Khoa học tự nhiên Nga năm 1999.

SÁCH :

- Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt, in lần 1 : NXB KHXH, 1985 ; in lần 2 : NXB GD, 1999.
- Ngữ pháp văn bản và việc dạy làm văn - NXB GD, 1985 (viết cùng Nguyễn Trọng Báu và Nguyễn Quang Ninh).
- Hỏi đáp về Ngữ pháp văn bản - Huế, 1990.
- Sổ tay tiếng Việt cấp II - NXB GD, 1991 (viết cùng Lê Xuân Thại và Lê Anh Hiền).
- Cơ sở văn hóa Việt Nam - DHTH TP .HCM : 1995, 1996, 1997 . NXB GD : 1997, 1998.
- Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam. - NXB TP .HCM : 1996, 1999, 2001.
- Recherche sur l'identitté de la cultule Vietnamienne, NXB Thế Giới, 2001.

SÁCH DỊCH :

- Ngữ pháp văn bản (tác giả : O. I. Moskalskaja). -NXB GD, 1996.
- Những yếu tố cơ sở của ngôn ngữ học đại cương (tác giả : V chủ biên dịch) - NXB GD, 1998.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆ
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ
Mã sách: 020702496

Bạn đọc có thể mua sách tại các Công ti Sách – Thiết bị trường
ở các địa phương hoặc các cửa hàng sách của Nhà xuất bản G
– **Tại TP. Hà Nội** : 187 Giảng Võ ; 232 Tây Sơn ; 23 Tràng
25 Hàn Thuyên ; 32E Kim Mã ;
Số 3 ngõ 127, Văn Cao, Quận Ba Đình.
– **Tại TP. Đà Nẵng** : 15 Nguyễn Chí Thanh ; 78 Pasteur.
– **Tại TP. Hồ Chí Minh** : 104 Mai Thị Lựu, Quận 1 ; 5 Bình Thới, Quận 11 ;
231 Nguyễn Văn Cừ và 240 Trần Bình Trọng, Quận 5.
– **Tại TP. Cần Thơ** : 5/5 Đường 30 tháng 4, Quận Ninh Kiều.
Website : www.nxbgd.com.vn

8 934994 192927

***Giá:* 40.000 đ**